

**BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
BAN NỘI CHÍNH**

*

Số 5229 -CV/BNCTW


V/v sơ kết thực hiện Quy định số 11-QĐi/TW,
ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2020

Kính gửi: Các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương

Triển khai thực hiện Quy định số 11-QĐi/TW, ngày 18/2/2019 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân (viết tắt là Quy định số 11-QĐi/TW), Ban Nội chính Trung ương đã ban hành Công văn số 4034-CV/BNCTW, ngày 28/5/2019 hướng dẫn thống nhất một số nội dung để việc thực hiện Quy định số 11-QĐi/TW.

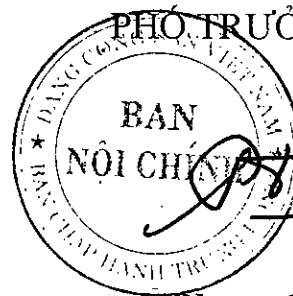
Để báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện Quy định số 11-QĐi/TW, Ban Nội chính Trung ương xây dựng “Đề cương sơ kết” thực hiện Quy định số 11-QĐi/TW từ khi ban hành đến hết ngày 31/3/2020 gửi kèm Công văn này, đề nghị các tỉnh ủy, thành ủy, căn cứ Đề cương, xây dựng báo cáo gửi về Ban Nội chính Trung ương trước ngày 30/5/2020. 

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên,
- Ban Bí thư (để b/c),
- Văn phòng TW, Ủy Ban Kiểm tra TW,
Ban Dân vận TW, Ban Tổ chức TW,
Ban Tuyên giáo TW,
- Bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc TW,
- Ban Nội chính và Văn phòng các tỉnh ủy,
thành ủy trực thuộc TW,
- BNCTW: TB, các PTB,
các vụ, đơn vị,
- Lưu: BNCTW, Vụ CQNC (3).

**K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Phạm Gia Túc

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo sơ kết thực hiện Quy định số 11-QĐi/TW, ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân từ khi triển khai thực hiện đến hết 31/3/2020

(Gửi kèm Công văn số)

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN QUY ĐỊNH SỐ 11-QĐi/TW

1. Việc phổ biến quán triệt, triển khai thực hiện

- Các hình thức được cấp ủy, tổ chức đảng triển khai phổ biến, quán triệt (*hội nghị, phát hành tài liệu, qua phương tiện thông tin đại chúng,...*);

- Số lượng các hội nghị, số lượt người tham dự phổ biến, quán triệt; số tài liệu... được phát hành.

- Đánh giá sự chuyển biến về nhận thức sau phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện (*nhận thức của người đứng đầu, tập thể cấp ủy, đảng viên, chính quyền, cán bộ, công chức về vị trí, vai trò của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân*).

2. Trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy

Sự quan tâm sâu sát, kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc giải quyết hoặc trực tiếp giải quyết theo thẩm quyền của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân.

3. Ban hành các văn bản để lãnh đạo chỉ đạo

Các văn bản do cấp ủy, tổ chức đảng ban hành để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Quy định số 11-QĐi/TW (*xây dựng phụ lục liệt kê các loại văn bản này gửi kèm theo báo cáo*); đánh giá tính kịp thời, sự phù hợp của văn bản được ban hành để lãnh đạo, chỉ đạo.

4. Công tác kiểm tra, giám sát về xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân

- Công tác hướng dẫn của ủy ban kiểm tra cấp trên với ủy ban kiểm tra, cấp dưới thực hiện công tác kiểm tra việc người đứng đầu cấp ủy tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân.

- Kết quả công tác kiểm tra (số cuộc kiểm tra, kết quả phát hiện người đứng đầu cấp ủy thiếu trách nhiệm hoặc buông lỏng trong việc lãnh

đạo, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát hoặc vi phạm quy định của Đảng, Nhà nước về tiếp dân, đối thoại, xử lý, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của dân.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công nhiệm vụ

Việc phân công Ban Nội chính, Văn phòng tỉnh ủy, thành ủy (đối với cấp tỉnh); văn phòng cấp ủy (đối với cấp huyện, xã và tương đương) chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp tiếp nhận, xử lý thông tin, báo cáo và theo dõi tổng hợp, tham mưu cho người đứng đầu cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo công tác tiếp dân, tiếp và đối thoại trực tiếp với dân.

2. Nghiên cứu, tham mưu

- Việc phân loại, đánh giá phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trước khi người đứng đầu cấp ủy tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân; việc rà soát những vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài, các phản ánh, kiến nghị nổi cộm để tham mưu người đứng đầu cấp ủy ưu tiên tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và hiệu quả xử lý của người đứng đầu cấp ủy, nhất là việc giải quyết, chỉ đạo giải quyết để chấm dứt vụ việc ngay từ cơ sở, ngay từ lần đầu thụ lý giải quyết.

- Đánh giá tình trạng người dân sau khi đã được cấp có thẩm quyền giải quyết nhưng vẫn cố tình gửi đơn nhiều lần, vượt cấp, mong muốn gặp người đứng đầu cấp ủy để “cầu may” tác động có lợi cho mình; vì sao người dân ít lựa chọn giải quyết ở tòa án khi có thể khởi kiện hoặc được hướng dẫn khởi kiện ra tòa.

3. Công tác phối hợp

Việc xây dựng, ban hành quy chế phối hợp, thực hiện phối hợp giữa các cấp, ngành tại địa phương; Trung ương với địa phương trong giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhất là chế độ thông tin, thống nhất quan điểm xử lý và phát ngôn trong tiếp dân, đối thoại với dân.

4. Điều kiện đảm bảo thực hiện

Việc bố trí thời gian, địa điểm tiếp dân, cơ sở vật chất, trụ sở tiếp công dân, trang thiết bị làm việc tạo điều kiện thuận lợi cho người dân phản ánh, kiến nghị, tố cáo.

5. Thực hiện chế độ báo cáo và một số nội dung cụ thể

Việc thực hiện báo cáo định kỳ hằng tháng, quý I, 6 tháng, 9 tháng, năm hoặc đột xuất theo quy định, nhất là báo cáo của cấp huyện, xã; việc thực hiện thông báo bằng văn bản đến người gửi thông tin phản ánh, khiếu

nại, tố cáo về việc tiếp dân, chỉ đạo xử lý, giải quyết của người đứng đầu cấp ủy theo Điều 6¹ Quy định 11-QĐi/TW...

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Báo cáo và tập hợp theo biểu mẫu đính kèm Công văn số 4034-CV/BNCTW ngày 28/5/2019 của Ban Nội chính Trung ương về việc thực hiện Quy định số 11-QĐi/TW.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Đánh giá những ưu điểm nổi bật trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ.

2. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc

Nêu những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo Quy định số 11-QĐi/TW, nhất là tại cấp huyện, xã; việc thực hiện chế độ báo cáo, những điểm chưa rõ cần giải thích, bổ sung đối với biểu mẫu gửi kèm Công văn số 4034-CV/BNCTW ngày 28/5/2019 của Ban Nội chính Trung ương về việc thực hiện Quy định số 11-QĐi/TW.

2.2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan.
- Nguyên nhân chủ quan.

2.3. Bài học kinh nghiệm

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ

Phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới để phát huy kết quả, khắc phục hạn chế trong việc thực hiện Quy định số 11-QĐi/TW.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Với Bộ Chính trị (nếu có).
- Với các cơ quan chức năng (nếu có).

¹ Khoản 2 Điều 6 Quy định 11-QĐi/TW: “Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo do người đứng đầu cấp ủy chuyển, chỉ đạo giải quyết, cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền giải quyết có văn bản báo cáo người đứng đầu cấp ủy và thông báo bằng văn bản cho người phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo biết về kết quả tiếp nhận để giải quyết và chỉ đạo giải quyết”.

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
BAN NỘI CHÍNH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2019

Số 4034-CV/BNCTW

V/v thực hiện Quy định số 11-QĐi/TW,
ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị

Kính gửi: Các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương

Sau khi Quy định số 11-QĐi/TW, ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân (gọi tắt là Quy định số 11-QĐi/TW) được ban hành, các tỉnh ủy, thành ủy đã tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc. Để Quy định của Bộ Chính trị được thực hiện thống nhất, Ban Nội chính Trung ương hướng dẫn một số nội dung như sau:

1. Người đứng đầu cấp ủy tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của dân nêu trong Quy định số 11-QĐi/TW được hiểu là bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương; bí thư huyện ủy và tương đương; bí thư đảng ủy xã và tương đương.

2. Người đứng đầu cấp ủy phải trực tiếp tiếp dân, đối thoại với dân, không ủy quyền cho các chức danh khác (ban thường vụ, thường trực cấp ủy). Trường hợp không thể tiếp đúng định kỳ thì thông báo và tổ chức tiếp dân bù vào thời gian gần nhất. Những địa phương có nhiều vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, bức xúc, kéo dài, người đứng đầu cấp ủy cần bố trí thêm thời gian tiếp dân của mình và chỉ đạo tăng thời gian tiếp dân của chính quyền trong tháng để giải quyết kịp thời phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của người dân. Mặt khác có thể phân công các đồng chí phó bí thư, ủy viên thường vụ, trưởng các ban đảng, v.v... trực tiếp tiếp dân nhằm tạo điều kiện cho người dân được gặp lãnh đạo để phản ánh, kiến nghị, nhưng không thay thế cho người đứng đầu cấp ủy tiếp dân theo Quy định số 11-QĐi/TW.

3. Phạm vi tiếp dân được đề cập trong Quy định số 11-QĐi/TW bao gồm những phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của dân về những biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống và những biểu hiện “tự diễn biến, “tự chuyển hóa” của cán bộ, đảng viên; các phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo khác, nhất là các vụ việc khiếu nại đông người, phức tạp, kéo dài, có ảnh hưởng đến an ninh trật tự, đã được chính quyền thụ lý giải quyết theo thẩm quyền, nhưng người dân vẫn chưa đồng tình.

Nếu người đứng đầu cấp ủy đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân hoặc trưởng đoàn đại biểu Quốc hội hoặc chủ tịch ủy ban nhân dân thì có thể kết hợp việc tiếp dân của người đứng đầu cấp ủy với tiếp dân của chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân và trưởng đoàn đại biểu Quốc hội thành một cuộc. Nếu có phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của người dân về nội dung suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của cán bộ, đảng viên thì phải tổ chức tiếp riêng với tư cách là người đứng đầu cấp ủy. Người đứng đầu cấp ủy ngoài việc trực tiếp tiếp dân, phải tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc chính quyền cùng cấp và cấp ủy, chính quyền cấp dưới thực hiện tốt việc tiếp dân, giải quyết dứt điểm các phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của dân, không để vụ việc kéo dài; không bao biện, làm thay.

4. Phân công ban nội chính (nếu là cấp tỉnh), văn phòng cấp ủy (nếu là cấp huyện, xã và tương đương) chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp tiếp nhận, xử lý thông tin, báo cáo và theo dõi, tổng hợp, tham mưu cho người đứng đầu cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo công tác tiếp dân, tiếp và đối thoại trực tiếp với dân, xử lý, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của dân theo Khoản 4 Điều 3 Quy định số 11-QĐ/TW. Tùy theo nội dung người dân phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo, người đứng đầu cấp ủy phân công cơ quan tham mưu giúp việc, đơn vị chức năng phù hợp cùng dự buổi tiếp dân để việc xử lý, chỉ đạo giải quyết được thuận lợi, hiệu quả.

5. Khi tiếp dân, người đứng đầu cấp ủy phải chủ động trao đổi, giải thích, giải quyết kịp thời các nội dung mà người dân nêu ra (nếu trong thẩm quyền). Khi có nhiều người dân đề nghị đối thoại hoặc xét thấy cần, người đứng đầu cấp ủy phải chủ động tổ chức các cuộc đối thoại với dân, nội dung phải được chuẩn bị chu đáo.

6. Căn cứ tình hình an ninh, trật tự và tính chất vụ việc mà người đứng đầu cấp ủy bố trí địa điểm tiếp dân thích hợp, có thể sử dụng trụ sở tiếp công dân của chính quyền hoặc trụ sở làm việc của cấp ủy, phòng làm việc của người đứng đầu cấp ủy, v.v... nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo.

7. Định kỳ hằng tháng, quý I, 6 tháng, 9 tháng, năm hoặc đột xuất, bí thư tỉnh ủy, thành ủy báo cáo với Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Nội chính Trung ương, Ban Dân vận Trung ương (thực hiện theo Quy định số 75-QĐ/TW, ngày 08/3/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII và có biểu mẫu kèm theo báo cáo) về tình hình, kết quả tiếp dân và xử lý, giải quyết những phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của nhân dân địa phương mình. Tương tự, đối với bí thư huyện ủy và tương đương báo cáo với bí thư và ban nội chính, ban dân vận tỉnh, thành ủy; bí thư đảng ủy xã và tương đương thì

báo cáo với bí thư và ban dân vận huyện ủy và tương đương. Thời gian báo cáo do bí thư tỉnh ủy, thành ủy quy định.

8. Giao Ban Nội chính tỉnh ủy, thành ủy chủ trì tham mưu xây dựng quy định, nội quy, quy chế tiếp dân của người đứng đầu cấp ủy và hướng dẫn việc xây dựng quy định, nội quy, quy chế tiếp dân của cấp dưới để thực hiện.

Trong quá trình triển khai, thực hiện, đề nghị thường trực tỉnh ủy, thành ủy thường xuyên phản ánh kết quả, khó khăn, vướng mắc, những vấn đề phát sinh về Ban Nội chính Trung ương, đồng gửi Ban Dân vận Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên Giáo Trung ương để phối hợp tham mưu, đề xuất Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Bộ Chính trị, Ban Bí thư (để b/c),
- Văn phòng TW, Ủy ban Kiểm tra TW, Ban Dân vận TW, Ban Tổ chức TW, Ban Tuyên Giáo TW,
- Bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc TW,
- Ban Nội chính và Văn phòng các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc TW,
- BNCTW: TB, các PTB, các vụ, đơn vị,
- Lưu BNCTW, Vụ 4 (3b).

K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC



Võ Văn Dũng

BIỂU MẪU

**Báo cáo tháng, quý I, 6 tháng, 9 tháng, năm về công tác tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân theo Quy định số 11-QĐ/TW, ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị
...../năm 201**

| TT | Nội dung | Cấp tỉnh | Cấp huyện | Cấp xã | Tổng cộng | Ghi chú |
|----|---|---|-----------|--------|-----------|---------|
| 1 | Số lần tiếp dân của người đứng đầu cấp ủy để nghe phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo. | | | | | |
| 2 | Thời gian của người đứng đầu cấp ủy tiếp dân để nghe phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của người dân (số ngày tiếp). | | | | | |
| 3 | Số vụ việc người dân phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo | Số vụ việc do cá nhân người dân, tổ chức phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo về suy thoái, “tự diễn biến, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên. | | | | |
| | | Số vụ việc đồng người phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo về suy thoái, “tự diễn biến, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên. | | | | |
| | | Số vụ việc vụ việc không thuộc thẩm quyền xử lý, giải quyết. | | | | |
| 4 | Số vụ việc người dân phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo đã tiếp, xử lý, giải quyết theo thẩm quyền. | Số vụ việc tiếp nhận để xử lý, giải quyết theo thẩm quyền. | | | | |
| | | Số vụ việc đã giải quyết xong. | | | | |
| | | Số vụ việc đang giải quyết. | | | | |
| | | Số vụ việc chậm giải quyết, để kéo dài. | | | | |
| | | Số vụ việc chỉ đạo cơ quan có thẩm quyền, cấp dưới giải quyết. | | | | |
| 5 | Số vụ việc hướng dẫn người dân đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết (vụ việc không thuộc thẩm quyền) | | | | | |